

**BÁO CÁO****Kết quả thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm,  
chống lãng phí trong năm 2020**

Thực hiện Công văn số 111/STC-TTra, ngày 13/01/2021 của Sở Tài chính Trà Vinh “về việc báo cáo thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong năm 2020”. Ban Thường vụ Tỉnh đoàn báo cáo kết quả thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong năm 2020 cụ thể như sau:

**I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN****1.1. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ**

Nhằm có cơ sở để làm căn cứ thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thực hiện hoạt động chuyên môn tại cơ quan Tỉnh đoàn, vào đầu năm 2019 Ban Thường vụ Tỉnh đoàn có tờ trình trình Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xin định mức chi tổ chức các hoạt động của Tỉnh đoàn. Theo đó, ngày 31/3/2020 UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 1153/UBND-KT về việc nội dung định mức chi tổ chức hoạt động năm 2020 của Tỉnh đoàn. Bên cạnh đó, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn đã chủ động xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn tại đơn vị. Định mức, tiêu chuẩn, chế độ quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan Tỉnh đoàn được xây dựng và ban hành đúng pháp luật, phù hợp với định mức, tiêu chuẩn, chế độ áp dụng chung trong toàn tỉnh; phù hợp với khả năng tài chính của cơ quan và nhiệm vụ được giao.

**1.2. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước**

- Việc lập, phân bổ dự toán ngân sách nhà nước tại cơ quan Tỉnh đoàn được thực hiện đúng trình tự, nội dung và thời gian theo quy định; đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ do UBND tỉnh ban hành và quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ quan Tỉnh đoàn.

- Việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước tại cơ quan Tỉnh đoàn được thực hiện căn cứ vào dự toán được phê duyệt, bảo đảm đúng mục đích, đối tượng, định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong phạm vi dự toán được giao, gắn với việc hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị.

- Lãnh đạo cơ quan chỉ đạo Ban Tổ chức – Kiểm tra thực hiện tốt việc lập dự toán, sử dụng dự toán và quyết toán việc sử dụng ngân sách đảm bảo đúng theo quy định hiện hành. Thực hiện tốt Quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý chặt chẽ các nguồn kinh phí, đảm bảo sử dụng đúng quy định, không để xảy ra tiêu cực, tham

những, lãng phí. Triển khai thực hiện tốt việc kê khai tài sản, thu nhập và công khai theo quy định. Hằng quý, tổ chức công khai việc thu, chi ngân sách đến toàn thể cán bộ, công chức và viên chức cơ quan một cách minh bạch.

- Trong năm 2020, Tỉnh đoàn được giao kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia về đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy, phòng chống tội phạm và ma túy với số tiền **30.000.000 đồng** (Ba mươi triệu đồng) và kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới là **100.000.000 đồng** (Một trăm triệu đồng). Qua triển khai thực hiện đã sử dụng **96.293.500 đồng** (Chín mươi sáu triệu hai trăm chín mươi ba ngàn năm trăm đồng). Tiết kiệm **33.706.500 đồng** (Ba mươi ba triệu bảy trăm lẻ sáu ngàn năm trăm đồng) cho ngân sách nhà nước.

- Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: Trong năm 2020, Tỉnh đoàn được giao dự toán đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức là **20.000.000 đồng** (Hai mươi triệu đồng), căn cứ quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức cơ quan Tỉnh đoàn đã sử dụng **12.200.000 đồng** (Mười hai triệu hai trăm ngàn đồng), qua đó đã tiết kiệm cho ngân sách **7.800.000 đồng** (Bảy triệu tám trăm ngàn đồng).

- Về sử dụng điện, nước: năm 2020, dự toán điện, nước tại cơ quan Tỉnh đoàn được phân bổ **72.000.000 đồng** (Bảy mươi hai triệu đồng), căn cứ vào quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, với tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí cơ quan Tỉnh đoàn đã tiết kiệm điện, nước với số tiền **4.551.229 đồng** (Bốn triệu năm trăm năm mươi một ngàn hai trăm hai mươi chín đồng).

- Về sử dụng văn phòng phẩm, sách báo, tạp chí: dự toán được giao năm 2020: **63.000.000 đồng** (Sáu mươi ba triệu đồng), qua thực hiện đã tiết kiệm **16.518.000 đồng** (Mười sáu triệu năm trăm mười tám ngàn đồng).

- Về tiếp khách, khánh tiết; tổ chức lễ hội, lễ kỷ niệm: dự toán được giao **70.000.000 đồng** (Bảy mươi triệu đồng), cơ quan Tỉnh đoàn đã thực hiện tiết kiệm tối đa trong việc tiếp khách, khánh tiết và tổ chức lễ hội, lễ kỷ niệm, qua đó đã tiết kiệm **19.375.000 đồng** (Mười chín triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

### **1.3. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước**

Việc mua sắm, trang bị phương tiện đi lại tại cơ quan Tỉnh đoàn được thực hiện đúng đối tượng, không vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và theo quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Năm 2020, Tỉnh đoàn được giao dự toán cho việc mua sắm phương tiện, tài sản là **222.000.000 đồng** (Hai trăm hai mươi hai triệu đồng); Tỉnh đoàn đã thực hiện mua sắm theo thỏa thuận khung mua sắm tập trung chung của tỉnh và mua sắm bằng hình thức chào hàng cạnh tranh. Khi quyết định chọn nhà cung cấp, Tỉnh đoàn thực hiện đúng việc cho các nhà cung cấp chào hàng cạnh tranh để chọn ra

đơn vị có mặt hàng phù hợp, tiết kiệm nguồn kinh phí để ký hợp đồng giao dịch; qua đó đã tiết kiệm ngân sách cho cơ quan **2.000.000 đồng** (Hai triệu đồng) so với dự toán được duyệt.

Tất cả tài sản mua sắm đều thông qua Hội đồng mua sắm của cơ quan và các phương tiện, tài sản được mua sắm đều đúng mục đích, đúng nhu cầu và trang bị đúng đối tượng; lãnh đạo cơ quan bảo đảm tài sản cho các phòng, ban, cá nhân để thực hiện nhiệm vụ được giao; các phòng ban, cá nhân có nhiệm vụ sử dụng tài sản đúng mục đích và có trách nhiệm bảo quản tài sản không để thất thoát hay hư hại; quản lý chặt chẽ việc mua sắm, sử dụng tài sản của Nhà nước, khai thác hiệu quả trang thiết bị phương tiện làm việc, không sử dụng xe ô tô, tài sản công vào việc riêng.

#### **1.4. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đầu tư xây dựng**

Trong năm 2020, Tỉnh đoàn tiếp tục thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình Trung tâm Sinh hoạt thanh thiếu nhi tỉnh Trà Vinh và đã hoàn thiện. Khi khởi công, Tỉnh đoàn không tổ chức lễ động thổ theo quy định và khi hoàn thành cũng không tổ chức lễ khánh thành để tiết kiệm kinh phí.

Việc quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với diện tích đất thuộc trụ sở làm việc cơ quan Tỉnh đoàn được quản lý, sử dụng theo đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tiết kiệm và hiệu quả.

#### **1.5. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động**

Biên chế hiện được giao của Tỉnh đoàn là 22 biên chế, hiện tại có mặt 13 biên chế. Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm, việc bố trí vị trí biên chế bảo đảm yêu cầu tiết kiệm, chống lãng phí. Thực hiện việc tuyển dụng công chức căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm và trong phạm vi biên chế được giao; bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng, khách quan và theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức. Việc quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động được thực hiện bằng máy chấm công, đảm bảo tính hiệu quả, chính xác, công bằng và khách quan.

Việc đào tạo, bố trí, sử dụng cán bộ, công chức được căn cứ vào kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, yêu cầu của vị trí công việc, trình độ đào tạo, năng lực chuyên môn, ngạch cán bộ, công chức. Việc nâng ngạch, chuyển ngạch, bổ nhiệm cán bộ, công chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về cán bộ, công chức. Hằng năm, đều xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

#### **1.6. Thực hành tiết kiệm chi thường xuyên**

Tổng kinh phí chi thường xuyên được phê duyệt năm 2020: **2.649.700.000 đồng**; tổng kinh phí đã sử dụng thực hiện thanh quyết toán: **1.825.351.567 đồng**; tổng kinh phí tiết kiệm theo dự toán chi thường xuyên: **824.348.433 đồng** (sử dụng chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức năm 2020 và trích lập quỹ dự phòng ổn định thu nhập năm 2020).

## **II. NHẬN XÉT CHUNG**

Hoạt động Đoàn theo sự chỉ đạo của Trung ương Đoàn hàng năm có nhiều nhiệm vụ chuyên môn phải thực hiện, kinh phí được cấp theo quy định đôi khi chưa đảm bảo cho các hoạt động. Số lượng biên chế còn thiếu chưa đáp ứng được nhiệm vụ chuyên môn.

## **III. CÁC GIẢI PHÁP**

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, học tập chỉ thị, nghị quyết của đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, đặc biệt tiếp tục quán triệt cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhân viên cơ quan đối về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; thực hiện tốt các Quy định của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Đảng ủy Khối các cơ quan, văn bản hướng dẫn thi hành công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

- Từng cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức tại cơ quan Tỉnh đoàn tăng cường rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, chủ nghĩa cá nhân, lối sống cơ hội thực dụng, bè phái, “*lợi ích nhóm*”, nói không đi đôi với làm. Nêu cao ý thức trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách Nhà nước; thực hiện quản lý ngân sách nhà nước đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả theo đúng dự toán được giao và chế độ, chính sách quy định.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong năm 2020. Ban Thường vụ Tỉnh đoàn báo cáo về Sở Tài chính tổng hợp./.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ĐOÀN**  
**PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**

**Nơi nhận:**

- Sở Tài chính;
- Lưu VT, TCKT.

**Trần Trí Cường**

**PHỤ LỤC SỐ 01-A**

(Kèm theo Báo cáo số -BC/TĐTN-TC-KT, ngày /02/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh đoàn)

<b>STT</b>	<b>Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần</b>	<b>Điểm tối đa</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
	<b>Tổng cộng (A+B+C)</b>	<b>100</b>	<b>81</b>
<b>A.</b>	<b>Một số tiêu chí tiết kiệm trong chi thường xuyên (A=I+II+III)</b>	<b>70</b>	<b>51</b>
<b>I</b>	Kết quả tiết kiệm một số chỉ tiêu cụ thể	55	<b>41</b>
1	Chi sách, báo, tạp chí	6	6
2	Chi cước phí thông tin liên lạc	6	5
3	Chi sử dụng điện	6	5
4	Chi xăng, dầu	6	5
5	Chi sử dụng nước	6	5
6	Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, họp	6	0
7	Chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, lễ kỷ niệm	6	5
8	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc	6	3
9	Chi thực hiện các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm: kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao; Kinh phí bố trí để thực hiện các nhiệm vụ đặc thù như: Kinh phí tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế được bố trí kinh phí riêng; kinh phí thực hiện các Đề án, Chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt)	7	7
<b>II</b>	Thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với các chức danh lãnh đạo có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô khi đi công tác theo quy định pháp luật của cấp có thẩm quyền (trường hợp đơn vị sử dụng ngân sách không có chức danh lãnh đạo có đủ tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô thì được điểm tối đa tiêu chí này)	5	<b>0</b>
	Đã thực hiện khoán	5	0
	Chưa thực hiện khoán	0	0
<b>III</b>	Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm biên chế theo kế hoạch, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao	10	<b>10</b>

	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	10	10
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	0
<b>B.</b>	<b>Kết quả tiết kiệm tổng kinh phí quản lý hành chính giao để thực hiện chế độ tự chủ đối với cơ quan nhà nước (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)</b>	<b>30</b>	<b>30</b>
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	10	
2	Tiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	20	
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	30	30
<b>C.</b>	<b>Đánh giá việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong chi thường xuyên</b>		<b>0</b>
1	Có khoản chi bị Kho bạc nhà nước từ chối thanh toán do chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5	0
2	Có khoản chi bị cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5	0
3	Có trường hợp khác bị phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5	0

**Phụ lục số 02**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**Tên cơ quan lập báo cáo**

**KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ**  
**Kỳ báo cáo: 2020**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
<b>I</b>	<b>Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</b>							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản						
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản						
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc						
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ						
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng						
<b>II</b>	<b>Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)</b>							
1	<b>Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN</b>							
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng						
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	<b>Sử dụng và thanh quyết toán NSNN</b>							
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:							
	<i>Tiết kiệm văn phòng phẩm</i>	<i>triệu đồng</i>	14,6	15	16,5			Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được
	<i>Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc</i>	<i>triệu đồng</i>			30,8			

	<i>Tiết kiệm sử dụng điện</i>	<i>triệu đồng</i>	4,5	5	7,8			duyệt; mức khoán chi được duyệt
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm nước sạch</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm công tác phí</i>	<i>triệu đồng</i>			69			
	<i>Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm</i>	<i>triệu đồng</i>	37,7	30	19			
	<i>Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc</i>	<i>triệu đồng</i>			2			
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chẩn hoặc mức khoán chi được duyệt
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	<i>triệu đồng</i>						
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:							
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự toán</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thương thảo hợp đồng</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Các nội dung khác</i>							
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	<i>triệu đồng</i>			824			
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	<i>triệu đồng</i>	9,67	10	33			
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	<i>triệu đồng</i>	14	15	118,6			
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	<i>triệu đồng</i>						
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	<i>triệu đồng</i>						
<b>3</b>	<b>Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ</b>							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	<i>đơn vị</i>						
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	<i>đơn vị</i>						



3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng						
<b>4</b>	<b>Các nội dung khác</b>							
<b>III</b>	<b>Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước</b>							
<b>1</b>	<b>Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)</b>							
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc						
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc						
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc						
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng						
<b>2</b>	<b>Tài sản khác</b>							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng						
<b>3</b>	<b>Các nội dung khác</b>							
<b>IV</b>	<b>Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng</b>							
<b>1</b>	<b>Trong đầu tư xây dựng</b>							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng						Tiết kiệm so với dự toán được phê duyệt
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng						
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
	- Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng						
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng						
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng						

1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							
	<i>Số lượng</i>	dự án						
	<i>Giá trị đầu tư phải thanh toán</i>	triệu đồng						
<b>2</b>	<b>Trụ sở làm việc</b>							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2						
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						
<b>3</b>	<b>Nhà công vụ</b>							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2						
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng						
<b>4</b>	<b>Các nội dung khác</b>							
<b>V</b>	<b>Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên</b>							
<b>1</b>	<b>Quản lý, sử dụng đất</b>							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m2						
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m2						
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							

<b>2</b>	<b>Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác</b>							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ						
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
<b>3</b>	<b>Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được</b>							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt							
<b>4</b>	<b>Các nội dung khác</b>							
<b>VI</b>	<b>Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước</b>							
<b>1</b>	<b>Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động</b>	vụ						
<b>2</b>	<b>Số tiền xử lý vi phạm thu được</b>	triệu đồng						
<b>3</b>	<b>Các nội dung khác</b>							
<b>VII</b>	<b>Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp</b>							
<b>1</b>	<b>Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh</b>							
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng						
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng						
	<i>Tiết kiệm điện</i>	Kw/h						
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	Tấn (lít)						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng						
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng						
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng						
<b>2</b>	<b>Quản lý đầu tư xây dựng</b>							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án						

2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được							
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	<i>triệu đồng</i>						
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	<i>Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	<i>dự án</i>						
	<i>Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	<i>triệu đồng</i>						
2.5	Các nội dung khác							
<b>3</b>	<b>Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN</b>							
	<i>Số tiền tiết kiệm được</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí</i>	<i>triệu đồng</i>						
<b>4</b>	<b>Mua sắm phương tiện</b>							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	<i>Số lượng xe đầu kỳ</i>	<i>chiếc</i>						
	<i>Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)</i>	<i>chiếc</i>						
	<i>Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)</i>	<i>chiếc</i>						
	<i>Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng</i>	<i>triệu đồng</i>						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	<i>chiếc</i>						
	<i>Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ</i>	<i>chiếc</i>						
	<i>Số tiền mua xe trang bị sai chế độ</i>	<i>triệu đồng</i>						
<b>5</b>	<b>Nợ phải thu khó đòi</b>							

	Số đầu kỳ	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
<b>6</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>							
	Số đầu năm	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
<b>VIII</b>	<b>Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân</b>							
<b>1</b>	<b>Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THPT, CLP</b>	<b>Lượt hộ</b>						
<b>2</b>	<b>Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện</b>	<b>Vụ</b>						
<b>IX</b>	<b>Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THPT, CLP</b>							
<b>1</b>	<b>Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã triển khai thực hiện</b>	<b>cuộc</b>						
<b>2</b>	<b>Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã hoàn thành</b>	<b>cuộc</b>						
<b>3</b>	<b>Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP</b>	<b>cơ quan/tổ chức/đơn vị</b>						
<b>4</b>	<b>Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THPT, CLP được phát hiện</b>	<b>cơ quan/tổ chức/đơn vị</b>						
<b>5</b>	<b>Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát</b>	<b>triệu đồng</b>						
<b>6</b>	<b>Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi</b>	<b>triệu đồng</b>						

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)